

NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO TRONG CHẾ ĐỊNH HÌNH PHẠT CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG.

1. Đặt vấn đề

Nhà nước ta thực hiện chủ trương cải cách tư pháp theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng và các Nghị quyết của Bộ Chính trị như: Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Trong các nghị quyết này Đảng ta chỉ rõ cần phải “*coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm. Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế*”. Đồng thời, “*xử lý nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm là người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Người có chức vụ càng cao mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn phạm tội thì càng phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác*”. Như vậy, theo tinh thần của các nghị quyết trên, việc nghiên cứu hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp là rất cần thiết, mặc dù các quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành đã khắc phục được khá nhiều khiếm khuyết so với những quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1985. Tuy nhiên, do điều kiện phát triển kinh tế xã hội và yêu cầu hội nhập toàn cầu nên những quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 vẫn còn nhiều nhược điểm, hạn chế vốn là hậu quả của nhận thức chưa thống nhất về nguyên tắc của luật hình sự trong đó có nguyên tắc nhân đạo và được thể hiện ở chế định hình phạt.

Thực tiễn áp dụng các quy định trong Bộ luật hình sự 1999 trong những năm qua cho thấy tính thống nhất, toàn diện của các nguyên tắc, chế định chung của chính sách hình sự đã hình sự hóa được khá nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội và

xác định hệ thống hình phạt khá toàn diện, khoa học. Bộ luật hình sự năm 1999 đã thể hiện được vai trò quan trọng và là công cụ pháp lý quan trọng, góp phần tích cực vào việc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm; kiểm soát và kìm chế tình hình tội phạm nhằm bảo đảm ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; từng bước đáp ứng yêu cầu bảo đảm dân chủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội và phù hợp với yêu cầu hội nhập hiện nay.

Bộ luật hình sự năm 1999 cũng thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; thể chế hóa các quan điểm của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tội phạm theo phương châm răn đe, giáo dục nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước.

Bên cạnh đó, việc áp dụng pháp luật hình sự cũng còn nhiều vấn đề hạn chế. Theo báo cáo thống kê của Tòa án cho thấy, một số hình phạt mặc dù được quy định trong Bộ luật hình sự nhưng hầu như không được áp dụng hoặc áp dụng rất ít trong thực tiễn. Các nguyên tắc nhân đạo trong Bộ luật hình sự chưa có cách hiểu thống nhất dẫn đến tình trạng xử nặng quá hoặc nhẹ quá, áp dụng các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không đúng, áp dụng án treo một cách tùy tiện. Một trong những đặc trưng cơ bản của chính sách hình sự là các biện pháp tác động của nó thể hiện tính nghiêm khắc cao và khi áp dụng sẽ tác động đến quyền và lợi ích của người phạm tội. Việc giảm bớt trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với người phạm tội là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho họ nhanh chóng cải tạo để trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội và ngăn ngừa họ phạm tội mới. Tuy nhiên, việc giảm bớt trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với người phạm tội vẫn phải đảm bảo tính chịu trách nhiệm trước pháp luật và công bằng xã hội.

Nguyên tắc nhân đạo trong Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung đòi hỏi phải thể hiện tính nhân đạo trong từng quy định cụ thể, đặc biệt trong các quy định về đường lối xử lý hình sự, về trách nhiệm hình sự, về hình phạt và các quy định về quyết định hình phạt. Tính nhân đạo luôn được thể hiện xuyên suốt trong các quy định của Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung đặc biệt là các quy định về trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với tội cố ý và tội vô ý; mối tương quan của các loại hình phạt chính được quy định đối với các tội phạm; hiệu ứng trái chiều của xu hướng tăng mức tổng hợp hình phạt tù; cơ sở của việc giảm hình phạt tử hình... chỉ ra những hạn chế của việc thể hiện nguyên tắc nhân đạo chỉ trong các quy định của BLHS năm 1999 về hình phạt và quyết định hình phạt nhằm góp ý kiến cho việc

chuẩn bị sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện nhằm tăng cường hiệu lực và hiệu quả của nó đối với việc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

2. Một số giải pháp khắc phục những hạn chế trong các quy định về hình phạt và quyết định hình phạt trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2015

2.1. Sự phân hóa tội phạm theo hình thức lỗi luôn được thể hiện trong nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự. Hình thức lỗi quy định trong Bộ luật hình sự được thể hiện ở lỗi cố ý và lỗi vô ý, đây là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Mức hình phạt đối với lỗi cố ý luôn cao hơn nhiều so với lỗi vô ý trong cùng một loại tội khi có các dấu hiệu khác tương ứng, bởi lỗi vô ý bao giờ cũng ít nguy hiểm hơn so với lỗi cố ý. Tuy nhiên, có khá nhiều bất cập về hình phạt được quy định trong phần tội phạm cụ thể đối với người phạm tội với lỗi cố ý và người phạm tội với lỗi vô ý. Xét ở nhiều góc độ khác nhau thì một người phạm lỗi cố ý có tính nguy hiểm hơn nhiều so với một người phạm tội do lỗi vô ý, nhưng khi đi vào nghiên cứu cụ thể có thể thấy rằng, việc quy định lỗi cố ý và lỗi vô ý trong phần tội phạm cụ thể có nhiều điểm bất cập.

Ví dụ Bộ luật hình sự 1999 quy định tại Điều 95 về tội giết người trong trạng thái bị kích động và Điều 98 về tội vô ý làm chết người. Nhìn khung hình phạt của hai tội này cho thấy sự bất hợp lý của việc xác định yếu tố lỗi cố ý và lỗi vô ý. Khoản 1 Điều 98 đối với tội vô ý làm chết người là phạt tù từ sáu tháng đến năm năm, trong khi đó hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 95 tội giết người trong trạng thái bị kích động mạnh là phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Cùng với hai tội danh này, nhưng ở khoản 2 Điều 98 nói trên, người phạm tội bị phạt tù từ ba năm đến mười năm, trong khi đó theo khoản 2 Điều 95, người phạm tội bị phạt tù từ ba năm đến bảy năm. Như vậy có thể thấy rằng, mức hình phạt đối với một số tội phạm chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Một số hình phạt có tính chất, mức độ nguy hiểm thấp hơn thì khung hình phạt lại nhẹ hơn so với tội phạm có tính chất, mức độ nguy hiểm thấp hơn, đặc biệt là các tội phạm có tính chất gần tương đồng nhau như tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh quy định tại Khoản 1, Điều 95 và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được quy định tại khoản 2, Điều 105.v.v...

Trong Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2015 việc điều chỉnh các tình tiết giảm nhẹ cũng như sửa đổi các quyết định hình phạt trong một số trường hợp cụ thể

theo hướng ghi nhận lại quy định hiện hành với tính chất là một nguyên tắc chung quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đồng thời mở rộng đối với những trường hợp ngoại lệ nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn theo hướng việc quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt không bị ràng buộc bởi điều kiện “phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật”. Đối với quy định này hiện nay có ý kiến cho rằng cần quy định cụ thể đối với các trường hợp cụ thể như: Người phạm tội là người giúp sức trong vụ đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể; người phạm tội lần đầu, có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng theo quy định của Bộ luật hình sự; người phạm tội đã bồi thường toàn bộ thiệt hại hoặc khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Ngoài ra, có ý kiến cho rằng việc quy định các tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với các trường hợp nói trên cần quy định thêm người phạm tội lần đầu, có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng theo quy định của Bộ luật hình sự. Như vậy, trong Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2015 đã quy định các tình tiết giảm nhẹ của Điều 46, 47 ngoài việc khắc phục được các vấn đề trong áp dụng các căn cứ quyết định hình phạt chưa rõ ràng, cụ thể và chưa phù hợp với các quy định khác của Bộ luật hình sự, và hạn chế thẩm quyền của thẩm phán trong việc thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt đối với người phạm tội mà còn thể hiện tính nhân đạo trong các quy định của Bộ luật hình sự.

Trong quy định của Bộ luật hình sự hiện hành thể hiện một số điểm bất cập về sự không phân biệt rõ hành vi phạm tội của một số tội có dấu hiệu cấu thành gần giống nhau nên thực tiễn áp dụng các điều luật này gặp nhiều khó khăn như đối với hành vi buôn lậu được quy định tại Điều 153 và hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới được quy định tại Điều 154; hành vi lừa dối khách hàng được quy định tại Điều 162 và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 139. Ngoài ra, trong bộ luật hình sự hiện hành còn thể hiện sự bất hợp lý đối với các hành vi phạm tội được thể hiện ở một số hành vi phạm tội như: hình phạt được quy định đối với tội cố ý, hình phạt đối với tội vô ý được quy định tại khoản 1 Điều 177 “Tội vi phạm các quy định về cung ứng điện và khoản 1 Điều 145 “Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản” và tại nhiều điều luật khác của phần các tội phạm của BLHS năm 1999 là bất hợp lý nếu nhìn từ thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi và đối với hậu quả của hành vi do mình gây ra.

Tương tự, dấu hiệu thiệt hại nghiêm trọng là dấu hiệu định tội của những tội có lỗi vô ý được quy định trong Bộ luật hình sự hiện hành dựa theo tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, tội phạm được phân loại thành tội ít nghiêm trọng và

tội nghiêm trọng là chưa hợp lý nếu xét từ góc độ tăng cường nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự và được thể hiện ở các điều luật cụ thể, ví dụ Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản được quy định tại Điều 145 và Tội vô ý làm lộ bí mật công tác, tội làm mất tài liệu bí mật công tác được quy định tại Điều 287.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung không có nhiều thay đổi so với quy định hiện hành. Tuy nhiên, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được bổ sung thêm đối với trường hợp phạm tội đối với người bị hạn chế khả năng nhận thức.

Ngoài ra, Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung cũng điều chỉnh khung hình phạt đối với một số tội cụ thể có các tình tiết tăng nặng nhằm bảo vệ các quan hệ xã hội và đảm bảo công bằng xã hội, đồng thời thể hiện được quan điểm của Đảng và chính sách của nhà nước về “Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm” cũng như tính thống nhất và đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

2.2. Tính nhân đạo của nhà nước được thể hiện trong các nguyên tắc của Bộ luật hình sự, nó thể hiện trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi phạm tội là hình phạt, đây là hình thức chủ yếu và phổ biến nhất. Trong cơ cấu tổng số các tội phạm được quy định trong phần các tội phạm cho thấy hình thức phạt tiền chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn (chiếm 25,75%). Tuy nhiên, theo tinh thần Nghị quyết 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đã khẳng định “coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”. Cho nên việc xây dựng hình phạt tiền theo hướng là hình phạt chính không chỉ đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính mà còn đối với cả các tội phạm về môi trường, các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân .v.v... nhằm đảm bảo tính cưỡng chế của hình phạt tiền.

Điều 34, dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung đã mở rộng cả về loại tội phạm và lĩnh vực phạm tội có thể áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và cả người phạm tội nghiêm trọng thuộc các nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; tội phạm về môi trường. Ngoài ra, để tăng

cường tính cưỡng chế của hình phạt tiền, tạo niềm tin cho Hội đồng xét xử khi tuyên án. Trong Bộ luật hình sự sửa đổi cũng quy định trường hợp người bị kết quả phạt tiền cố tình trốn tránh không chấp hành hình phạt tiền thì hình phạt này sẽ được thay thế bằng hình phạt tù có thời hạn được quy định trong các điều khoản tương ứng.

Đối với hình phạt tù có thời hạn được quy trong Bộ luật hình sự hiện hành đã chỉ ra những hạn chế cần khắc phục nhằm đảm bảo nguyên tắc nhân đạo khi áp dụng trong thực tế. Việc hạn chế quy định hình phạt tù đối với các tội có lỗi vô ý trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2015 vẫn có thể đạt được mục đích của hình phạt mà không cần cách ly người phạm tội ra khỏi môi trường thường của xã hội. Bên cạnh đó, việc thực hiện chủ trương giảm hình phạt tù, tăng cường khả năng áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ thì tại các điều luật quy định về những tội phạm cụ thể đã thể hiện trong dự thảo Bộ luật hình sự theo hướng tăng số lượng các khung hình phạt được thiết kế không có hình phạt tù mà chỉ có sự lựa chọn giữa các hình phạt không tước tự do nhằm thể hiện tính nhân đạo hơn đối với người phạm tội. Bên cạnh đó, việc sửa đổi các quy định về tổng hợp tối đa hình phạt tù đối với trường hợp phạm nhiều tội theo hướng rút ngắn hơn so với quy định của pháp luật hình sự hiện hành.

2.4. Việc thu hẹp phạm vi áp dụng đối với hình phạt tử hình trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung là cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Chủ trương này đã được khẳng định trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp đồng thời cũng phù hợp với tinh thần Công ước quốc tế về quyền con người mà nhà nước ta là thành viên. Trong thực tế, thực hiện Bộ luật hình sự hiện hành, chính sách nhân đạo trong luật hình sự hoàn toàn xa lạ với những hình phạt có tính nghiêm khắc cao, đặc biệt là với hình phạt tử hình.

Việc thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình là đòi hỏi cấp thiết của việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự gắn với việc bảo đảm các quyền con người theo quy định của Hiến pháp năm 2013, nhân đạo hóa các biện pháp trừng trị phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội và đạo lý dân tộc cũng như phù hợp với điều kiện đấu tranh phòng, chống tội phạm. Trong dự thảo Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung quy định rõ những đối tượng và loại tội bị áp dụng hình phạt tử hình. Như vậy, việc quy định thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình đã thể hiện được tính nhân đạo của Nhà nước trong thời kỳ mới.